

Số: 45/2026/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hồng.

Thư ký phiên họp: Bà Thái Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16
- Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:*** Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 31/2026/TLST-VLĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 33/2026/QĐST-VLĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Trương Ngọc T, sinh năm 1990; nơi thường trú: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số D khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bà Trương Diễm M, sinh năm 1992; nơi thường trú: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số D khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

- Công ty TNHH S, địa chỉ: Khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L; địa chỉ: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu bà Trương Ngọc T trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 05/2009 bà T làm việc tại Công ty TNHH N có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7408301966 và từ tháng 08/2011 đến tháng 03/2015 bà T làm việc tại Công ty Cổ phần D, có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm

xã hội (viết tắt là BHXH) 7911375408. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011, bà T cho bạn tên Trương Diễm M mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và bà Trương Ngọc T xác định người ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S là bà Trương Diễm M. Do hiểu biết pháp luật hạn chế, để bà Trương Diễm M tìm được việc làm có thu nhập nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình nên bà Trương Ngọc T mới cho mượn chứng minh nhân dân để đi xin việc. Vì vậy, bà Trương Ngọc T bị trùng bảo hiểm xã hội trong thời gian cho bà Trương Diễm M mượn thông tin cá nhân để làm việc. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bà Trương Ngọc T yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên bà Trương Ngọc T (do bà Trương Diễm M là người ký kết) với Công ty TNHH S từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 là vô hiệu. Bà Trương Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Diễm M thống nhất trình bày của bà Trương Ngọc T. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm của bà Trương Ngọc T, bà Trương Diễm M đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động theo đơn yêu cầu của bà Trương Ngọc T. Bà Trương Diễm M không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Tại Công văn của Bảo hiểm xã hội cơ sở L: Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án. Đồng thời tại phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ số 208334.07407/2022/HDHS ngày 23/11/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B thể hiện bà Trương Ngọc T có quá trình tham gia BHXH, ở các sổ sổ BHXH: Từ tháng 05/2008 đến tháng 08/2010, bà Trương Ngọc T tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ BHXH 7408123289 tại Công ty TNHH C. Từ tháng 07/2008 đến tháng 09/2009, bà Trương Ngọc T tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ BHXH 7408189267 tại Công ty TNHH M1 (Việt Nam). Từ tháng 11/2008 đến tháng 05/2009, bà Trương Ngọc T tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ 7409157790 tại Công ty TNHH S. Từ tháng 08/2011 đến tháng 03/2015 bà Trương Ngọc T tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ 7911375408 tại Công ty cổ phần D.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S trình bày: Công ty TNHH S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà Trương Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Diễm M và Bảo hiểm xã hội cơ sở L có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH S vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trương Ngọc T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Trương Ngọc T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Diễm M, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH S vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011, người lao động tên Trương Ngọc T giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số sổ BHXH 7409157790. Tuy nhiên, bà Trương Ngọc T và bà Trương Diễm M đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 là bà Trương Diễm M (do bà Trương Ngọc T cho bà Trương Diễm M mượn chứng minh nhân dân để xin việc làm).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà Trương Ngọc T và bà Trương Diễm M phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 05/2009 bà Trương Ngọc T tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) 7408301966 tại Công ty TNHH N và từ tháng 08/2011 đến tháng 03/2015, bà Trương Ngọc T tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ BHXH số 7911375408 tại Công ty Cổ phần D. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S trong khoảng thời gian tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 là bà Trương Diễm M, không phải là bà Trương Ngọc T.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”*. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền”* và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”*. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: *“...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2*

Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...". Do đó, có cơ sở xác định việc bà Trương Diễm M mượn hồ sơ cá nhân của bà Trương Ngọc T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7409157790 từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 tại Công ty TNHH S là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trương Ngọc T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Ngọc T với Công ty TNHH S từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409157790 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà Trương Ngọc T về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH S trong giai đoạn từ tháng 04/2009 đến tháng 08/2011 là bà Trương Diễm M, không phải là bà Trương Ngọc T. Bà Trương Ngọc T và bà Trương Diễm M có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409157790.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trương Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 146, 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50, Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trương Ngọc T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Ngọc T với Công ty TNHH S (Theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409157790) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409157790 không

phải là bà Trương Ngọc T, sinh năm 1990; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 091190024401. Bà Trương Ngọc T và bà Trương Diễm M được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409157790.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trương Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0004644 ngày 15/01/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16,
TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16,
TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Trần Thị Hồng